

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25-8-2025

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu, ông Lê Khải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2025/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2025, về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông (nay Thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng) – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trương Văn K, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông (nay Thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng) – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 02/4/2025 và quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Trương Văn K kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông vào năm 2016. Sau khi kết hôn anh chị sống tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông (nay thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng). Trong thời gian sinh sống thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, thấu hiểu, quan tâm, chăm sóc nhau. Mặc dù anh chị chung sống trong cùng mái nhà nhưng không ai tâm sự,

chia sẻ với nhau, việc của ai người đó làm, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt đến giữa năm 2023 thì anh K và chị T không còn chung sống với nhau, chị T và con trai của hai anh chị chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông (nay Thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng). Trong thời gian không chung sống với nhau, nhiều lần chị tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được, đến nay tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, vì vậy chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn K.

- Về yêu cầu nuôi con chung: Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2025 chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Trung K, sinh ngày 08/06/2018 đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trương Văn K, tuy nhiên anh Khỏe đều vắng mặt, không trình bày ý kiến, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải; tại phiên tòa, anh K vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị Phan Thị T chấp hành đúng quy định của pháp luật, anh Trương Văn K không chấp hành các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, tuyên xử chị Phan Thị T được ly hôn anh Trương Văn K.

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung là Trương Trung K, sinh ngày 08/06/2018 cho chị Phan Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các chứng cứ tài liệu gồm: bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh của con chung Trương Trung K, biên bản ghi nhận ý kiến của con chung Trương Trung K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phan Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn anh Trương Văn K cư trú tại Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông (nay Thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng). Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Văn K vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh K vẫn không có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Trương Văn K kết hôn ngày 26/7/2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đă, huyện K, tỉnh Đắk Nông (nay Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lâm Đồng), việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị T, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sống tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông (nay thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng) và xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, lối sống. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị T không còn tình cảm với anh K. Hiện nay chị T sinh sống cùng với bố mẹ đẻ tại thôn N, xã N. Anh chị không sống chung với nhau từ giữa năm 2023 cho đến nay. Vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi các con chung trưởng thành. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông (nay thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng) nơi chị T và anh K sinh sống cho biết: chị T và anh K không trình báo với chính quyền địa phương về mâu thuẫn của anh chị nên Ban tự quản thôn không nắm được anh chị có mâu thuẫn hay không.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị T và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị T là có cơ sở nên cần chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị Phan Thị T và anh Trương Văn K có 01 con chung là Trương Trung K, sinh ngày 08/06/2018. Chị T có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành.

Xét yêu cầu của chị T được nuôi con chung Trương Trung K. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T đang làm việc tại Nha khoa Tâm P, địa chỉ Tổ dân phố 2, xã K, tỉnh Lâm Đồng, với mức lương 400.000 đồng/1 ngày, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hiện nay con chung đang sống cùng với chị T. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ anh K nhiều lần nhưng anh K không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là Trương Trung K, sinh ngày 08/06/2018 cho chị T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị T, anh K thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008287 ngày 02/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9-Lâm Đồng). Hoàn trả cho chị Phan Thị T số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn anh Trương Văn K.

2. Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung là Trương Trung K, sinh ngày 08/06/2018 cho chị Phan Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Phan Thị T không yêu cầu anh Trương Văn K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị T và anh K có các quyền, nghĩa vụ theo các điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008287 ngày 02/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9-Lâm Đồng). Hoàn trả cho chị Phan Thị T số tiền 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân :

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 9-Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 9-Lâm Đồng;
- UBND xã Krông Nô, tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Nhi